



Phủ Thọ, ngày 14 tháng 4 năm 2026

**ĐẶC TẢ ĐỀ THI VÀO LỚP 6 TRƯỜNG THCS&THPT SƯ PHẠM  
NĂM HỌC 2026 – 2027**

**Môn: TIẾNG ANH**

**1. Hình thức, thời gian, nội dung, cấu trúc và thang điểm**

- Hình thức thi: Trắc nghiệm khách quan.
- Thời gian thi: 30 phút.
- Nội dung đề thi: Nội dung đề thi bao gồm kiến thức, các chủ đề gồm từ vựng, ngữ pháp, giao tiếp, đọc hiểu và viết phổ biến trong chương trình học và sách giáo khoa, bám sát Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp tiểu học, trọng tâm là lớp 5.

- Cấu trúc đề thi:

+ Đề thi bao gồm 25 câu hỏi trắc nghiệm khách quan với 4 phương án lựa chọn, được chia ra làm 3 phần chính (ngôn ngữ, đọc hiểu và viết) để kiểm tra năng lực sử dụng ngôn ngữ tổng hợp. Phần ngôn ngữ gồm 13 câu hỏi với đa dạng các mức độ tư duy để kiểm tra khả năng sử dụng từ vựng và ngữ pháp trong ngữ cảnh. Phần đọc hiểu gồm 8 câu hỏi, tập trung ở cả 3 mức độ để kiểm tra khả năng đọc hiểu trong ngữ cảnh. Phần viết gồm 4 câu hỏi, tập trung ở mức độ 3 để kiểm tra khả năng sử dụng ngôn ngữ linh hoạt, chuyển câu sao cho nghĩa không đổi.

+ Đề thi sử dụng 7 dạng câu hỏi bao gồm: hoàn thành câu, chức năng giao tiếp, tìm lỗi sai, sắp xếp đoạn hội thoại ngắn, đọc thông tin từ rơi hoặc quảng cáo, đọc hiểu đoạn văn và chuyển đổi câu.

+ Các câu hỏi trong đề thi được thiết kế theo ba cấp độ tư duy: Mức 1 (28%), mức 2 (40%) và mức 3 (32%), nhằm đánh giá năng lực sử dụng ngôn ngữ của thí sinh.

Mức	Mô tả theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT quy định đánh giá HS tiểu học
Mức 1	Nhận biết, nhắc lại hoặc mô tả được nội dung đã học và áp dụng trực tiếp để giải quyết một số tình huống, vấn đề quen thuộc trong học tập
Mức 2	Kết nối, sắp xếp được một số nội dung đã học để giải quyết vấn đề có nội dung tương tự
Mức 3	Vận dụng các nội dung đã học để giải quyết một số vấn đề mới hoặc đưa ra những phản hồi hợp lý trong học tập và cuộc sống

- Thang điểm: Bài thi được đánh giá theo thang điểm 10. Trả lời đúng mỗi câu hỏi, thí sinh được 0,4 điểm.



## 2. Ma trận đề thi

STT	Kĩ năng	Mức độ tư duy			Tỉ lệ/ Tổng
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	
1	Ngôn ngữ	5	6	2	52%
2	Đọc	2	4	2	32%
3	Viết	0	0	4	16%
	Số câu	7	10	8	100%
	Tỉ lệ	28%	40%	32%	100%

## 3. Chi tiết ma trận đề thi

Kỹ năng	Dạng bài	Nội dung kiến thức	Cấp độ tư duy						Tổng số câu	
			Mức 1		Mức 2		Mức 3			
			Số câu	Câu số	Số câu	Câu số	Số câu	Câu số		
NGÔN NGỮ	Hoàn thành câu	Thì hiện tại đơn	1	Q1						13
		Từ để hỏi	1	Q2						
		Thì hiện tại tiếp diễn	1	Q3						
		Nghĩa của từ trong ngữ cảnh			1	Q4				
		Cụm từ cố định với go, play, do			1	Q5				
		Cấu trúc There is/ are + giới từ			1	Q6				
		Thì quá khứ đơn	1	Q7						
		Từ cùng trường nghĩa			1	Q8				
		Động từ chỉ sự yêu thích/ ghét	1	Q9						
		Chọn lời đáp phù hợp về cảm ơn, xin lỗi					1	Q10		
Chọn lời đáp phù hợp với câu đưa ra gợi ý, chỉ dẫn, lời đề nghị							1	Q11		
Tìm lỗi sai	Dạng danh từ/ động từ			1	Q12					
	Dạng thì/ giới từ			1	Q13					

Kỹ năng	Dạng bài	Nội dung kiến thức	Cấp độ tư duy						Tổng số câu		
			Mức 1		Mức 2		Mức 3				
			Số câu	Câu số	Số câu	Câu số	Số câu	Câu số			
<b>ĐỌC HIỂU</b>	Sắp xếp đoạn hội thoại ngắn	Hội thoại ngắn 3 lượt lời hỏi đường			1	Q14					
		Hội thoại ngắn 4 lượt lời, hỏi đáp thông tin cá nhân					1	Q15			
	Đọc biên báo, thông báo, tin nhắn  Đọc hiểu văn bản dài 80 - 120 từ, chủ đề trường học, nghề nghiệp trong tương lai, lễ hội, các món ăn, sở thích, ước mơ, sức khỏe, mùa và thời tiết, phương tiện giao thông, môn học và hoạt động yêu thích ở trường, danh lam thắng cảnh,...	Chọn thông tin đúng với nội dung phù hợp về thông báo, biên báo, tin nhắn ngắn (30-40 từ)			1	Q16					
		Câu hỏi về ý chính					1	Q18			
		Câu hỏi từ vựng trong ngữ cảnh (từ đồng nghĩa)			1	Q19					
		Câu hỏi liên quan thông tin theo đoạn	1	Q20							
		Câu hỏi lấy thông tin đúng	1	Q21							
<b>VIẾT</b>	Chuyển đổi câu	Chuyển đổi câu đưa ra lời khuyên					1	Q22			
		Chuyển đổi câu hỏi giá					1	Q23			
		Chuyển đổi câu dùng đại từ chỉ định (this, that, these, those)					1	Q24			
		Chuyển đổi câu dùng động từ tình thái (should, could, would, can,...)					1	Q25			

